

Protected by PDF Anti-Copy Free

(Upgrade to Pro Version to Remove the Watermark)

UBND XÃ ĐỨC CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN KỶ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 93/QĐ-TMN

PDF

Đức Châu, ngày 20 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán tài chính năm học 2024-2025
của Trường Mầm non Diễn Kỷ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017-BTC ngày 15/ 6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Xét đề nghị của kế toán trường Mầm non Diễn Kỷ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán tài chính năm học 2024-2025 của Trường Mầm non Diễn Kỷ (Kèm theo quyết toán tài chính năm học 2024-2025)

Điều 2. Thời gian công khai trong 30 ngày: Từ 8 giờ 00 ngày 20 tháng 07 năm 2025 đến 16 giờ 00 ngày 20 tháng 08 năm 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Kế toán đơn vị và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND xã
- CB, GV, NV nhà trường
- Lưu :VT, KT.



Nguyễn Thị Bình

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2024-2025

Protected by PDF Anti-Copy Free

TT	(Upgrade to Pro Version to Remove the Watermark)	Đơn vị	Tổng số tiền thu trong năm	Tổng số tiền chi trong năm	Tồn cuối kỳ	Ghi chú
A.	Tiền ngân sách	Đồng	7.052.698.000	7.052.698.000	-	
1	Phần thu: Tiền ngân sách cấp năm 2024	Đồng	7.052.698.000			
	Ngân sách cấp năm 2024	Đồng	7.052.698.000			
2	Phần chi ngân sách	Đồng		7.052.698.000		
2.1	Chi trả lương và các khoản phụ cấp theo lương	Đồng		6.278.745.770		
2.2	Chi hợp đồng giáo viên	Đồng		60.000.000		
2.3	Chế độ học sinh	Đồng		40.160.000		
2.4	Chi thanh toán tiền điện, nước	Đồng		23.890.880		
2.5	Chi CCDC, VPP văn phòng	Đồng		11.694.500		
2.6	Chi thông tin, tuyên truyền liên lạc	Đồng		4.593.710		
2.7	Chi thưởng cuối năm	Đồng		245.509.000		
2.8	Chi bảo vệ, thuê mướn	Đồng		19.383.200		
2.9	Chi công tác phí, tập huấn	Đồng		19.896.000		
2.10	Chi sửa chữa, duy tu CSVC phục vụ chuyên môn	Đồng		82.307.500		
2.11	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	Đồng		151.022.480		
2.12	Chi khác	Đồng		54.631.500		
2.13	Trích lập quỹ	Đồng		60.863.460		
B.	Nguồn thu hoạt động theo quy định	Đồng				
I	Nguồn học phí	Đồng	761.801.433	619.554.353	142.247.080	
1	Thu học phí + Lãi tiền gửi học phí	Đồng	761.801.433			
1.1	Số dư đến 19/07/2025	Đồng	158.517.435			
1.2	Thu học phí năm học 2024-2025, cấp bù MGHP và lãi tiền gửi học phí	Đồng	603.283.998			
2	Chi học phí	Đồng		619.554.353		
2.1	Chi 40% học phí bù lương	Đồng		190.100.000		
2.2	Chi bảo vệ, thuê mướn,...	Đồng		40.000.000		
2.3	Chi tiền điện, nước, vệ sinh môi trường	Đồng		17.770.675		
2.4	Chi trang trí, tổ chức hội thi, lễ hội,...	Đồng		72.813.400		
2.5	Mua sắm đồ dùng, đồ chơi,...	Đồng		95.864.000		
2.6	Chi sửa chữa , duy tu, mua sắm CSVC	Đồng		143.366.278		
2.7	Trích Quỹ (phúc lợi, bổ sung thu nhập, khen thưởng, hoạt d	Đồng		30.000.000		
	Khác	Đồng		29.640.000		
II	Tiền CSSKBĐ	Đồng	60.418.242	20.578.600	39.839.642	
1.	Thu CSSKBĐ	Đồng	60.418.242			
1.1	Số dư đến 19/07/2025	Đồng	24.316.542			
1.2	Thu CSSKBĐ cho HS năm 2025	Đồng	36.101.700			
2.	Chi CSSKBĐ	Đồng		20.578.600		

2.1	Khám sức khỏe cho trẻ, Mua thuốc, vật tư phục vụ CSSKBH	Đồng		20.578.600		
C.	Nguồn thu tự nguyện - thỏa thuận	Đồng				
I.	Vận động tài trợ	Đồng	176.800.000	175.950.000	850.000	
1.	Thu vận động tài trợ	Đồng	176.800.000			
1.1	Số dư đến 19/07/2025	Đồng	850.000			
1.2	Thu tiền vận động tài trợ năm học 2024-2025:	Đồng	175.950.000			
2.	Chi vận động tài trợ	Đồng		175.950.000		
2.1	Mua 20 cái quạt trần	Đồng		19.000.000		
2.2	Mua 03 cái tivi	Đồng		30.000.000		
2.3	Mua bạt thả che nắng ngoài sân trường	Đồng		11.400.000		
2.4	Mua 01 bộ loa đài	Đồng		36.500.000		
2.5	Mua sơn để sơn bờ bao tường và các phòng học	Đồng		73.920.000		
2.6	Mua cọ lăn sơn và giấy nhám để sơn bờ bao tường và các phòng học	Đồng		5.130.000		
II.	Chi phí bán trú	Đồng	652.428.000	652.425.944	2.056	
1.	Thu chi phí bán trú	Đồng	652.428.000			
1.1	Số dư đến 19/07/2025	Đồng	0			
1.2	Thu chi phí bán trú năm học 2024-2025	Đồng	652.428.000			
2.	Chi chi phí bán trú	Đồng		652.425.944		
2.1	Chi lương nhân viên nuôi dưỡng	Đồng		526.500.000		
2.2	Chi tiền điện tăng thêm	Đồng		17.730.369		
2.3	Chi tiền nước sạch tăng thêm	Đồng		17.980.575		
2.4	Chi tiền nước uống trẻ	Đồng		35.920.000		
2.5	Chi tiền đồ dùng vệ sinh tăng thêm	Đồng		54.295.000		
III.	Mua đồ dùng bán trú	Đồng	64.885.000	64.885.000	-	
1.	Thu Mua đồ dùng bán trú	Đồng	64.885.000			
1.1	Số dư đến 19/07/2025	Đồng	0			
1.2	Thu Mua đồ dùng bán trú năm học 2024-2025	Đồng	64.885.000			
2.	Chi Mua đồ dùng bán trú	Đồng		64.885.000		
2.1	Chi Mua đồ dùng dụng cụ	Đồng		52.688.000		
2.2	Chi Sửa chữa đồ dùng, dụng cụ	Đồng		12.197.000		
IV.	Học Năng khiếu múa	Đồng	203.381.760	201.613.819	1.767.941	
1.	Thu học Năng khiếu múa	Đồng	203.381.760			
1.1	Số dư đến 19/07/2025	Đồng	6.389.760			
1.2	Thu tiền học Năng khiếu múa năm học 2024-2025	Đồng	196.992.000			
2.	Chi học Năng khiếu múa	Đồng		201.613.819		
2.1	Thanh toán cho trung tâm dạy múa	Đồng		151.683.840		
2.2	Chi trả tiền quản lý và tổ chức lớp cho CB,GV	Đồng		37.428.480		
2.3	Chi bổ sung cơ sở vật chất	Đồng		12.501.499		
V.	Học tiếng anh tăng cường	Đồng	373.179.760	372.682.986	496.774	
1.	Thu dạy học tiếng anh tăng cường	Đồng	373.179.760			
1.1	Số dư đến 19/07/2025	Đồng	26.909.080			
1.2	Thu dạy học tiếng anh tăng cường năm học 2024-2025	Đồng	346.270.680			
2.	Chi dạy học tiếng anh tăng cường	Đồng		372.682.986		
2.1	Thanh toán cho trung tâm tiếng anh	Đồng		277.016.312		
2.2	Chi trả tiền quản lý và tổ chức lớp cho CB,GV	Đồng		55.403.541		
2.3	Chi bổ sung cơ sở vật chất	Đồng		40.263.133		
D.	CÁC QUỸ TIẾT KIỆM CHI	Đồng				
I.	Quỹ bổ sung thu nhập	Đồng	13.702.769	0	13.702.769	
1.	Thu Quỹ bổ sung thu nhập	Đồng	13.702.769			

1.1	Số dư đến 19/07/2025	Đồng	73.250			
1.2	Trích quỹ bổ sung thu nhập	Đồng	13.629.519			
2.	Chi bổ sung thu nhập	Đồng		0		
II.	Quỹ phúc lợi	Đồng	56.823.595	23.800.000	33.023.595	
1.	Thu Quỹ phúc lợi	Đồng	56.823.595			
1.1	Số dư đến 19/07/2025	Đồng	176.000			
1.2	Trích quỹ phúc lợi	Đồng	56.647.595			
2.	Chi Quỹ phúc lợi	Đồng		23.800.000		
2.1	Chi quà Tết nguyên đán và 08/03	Đồng		23.800.000		
III.	Quỹ khen thưởng	Đồng	18.250.000	11.400.000	6.850.000	
1.	Thu Quỹ khen thưởng	Đồng	18.250.000			
1.1	Số dư đến 19/07/2025	Đồng	6.750.000			
1.2	Trích quỹ khen thưởng	Đồng	11.500.000			
2.	Chi Quỹ Khen thưởng	Đồng		11.400.000		
2.1	Chi khen thưởng tập thể, cá nhân, lớp	Đồng		11.400.000		
IV.	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Đồng	26.111.818	23.670.000	2.441.818	
1.	Thu Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Đồng	26.111.818			
1.1	Số dư đến 19/07/2025	Đồng	9.475.472			
1.2	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Đồng	16.636.346			
2.	Chi Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Đồng		23.670.000		
2.1	Chi sửa chữa CSVC	Đồng		23.670.000		

KẾ TOÁN



Trương Mỹ Hoa

